**PHỤ LỤC 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/……/TT-NHNN ngày …/…/…… của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN BÊN ĐI VAY-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: ……………*V/v đăng ký khoản vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh* | *………, ngày …… tháng …… năm ……* |

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH**

**Kính gửi:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam1
(\_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_ \_)

- Căn cứ Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

- Căn cứ Thông tư số …/20…/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 20... của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

- Căn cứ thỏa thuận vay nước ngoài đã ký với bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày …/…/…;

Bên đi vay có tên sau đây đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của bên đi vay như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**I. Thông tin về bên đi vay:**

1. Tên bên đi vay: …………………………………………………………………………………

2. Loại hình bên đi vay2: ………………………………………………………………………….

3. Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………….

4. Điện thoại: …………………… Email: …………………… Mã số thuế: …………………..

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật: …………………………………………………..

Chức vụ: …………………………………………………………………………………………..

Họ và tên người được ủy quyền bởi người đại diện theo pháp luật (nếu có): ……………

- Văn bản ủy quyền: ……………………………………………………………………………..

6. Hồ sơ pháp lý3:

7. Phạm vi hoạt động hợp pháp của bên đi vay4: (ghi rõ nguồn tham chiếu)

8. Tổng vốn đầu tư của dự án sử dụng vốn vay (áp dụng với khoản vay nước ngoài phục vụ mục đích thực hiện dự án đầu tư) là ………………………… trong đó tổng số vốn góp là …………………………, tổng số vốn vay là ………………………… (quy USD)

9. Tình hình dư nợ tín dụng phục vụ dự án tại thời điểm gửi hồ sơ đăng ký (quy USD)5:

- Dư nợ vay ngắn hạn nước ngoài: …………………… (trong đó quá hạn: ……………………)

- Dư nợ vay ngắn hạn trong nước: …………………… (trong đó quá hạn: ……………………)

- Dư nợ vay trung, dài hạn nước ngoài: …………………… (trong đó quá hạn: ……………………)

- Dư nợ vay trung, dài hạn trong nước: …………………… (trong đó quá hạn: ……………………)

Số khoản vay nước ngoài trung, dài hạn của doanh nghiệp (đang thực hiện hoặc còn dư nợ đến ngày báo cáo): ……………………………………… khoản vay

10. Vốn chủ sở hữu (theo báo cáo tài chính được kiểm toán, soát xét tại thời điểm gần nhất trước ngày nộp hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài) (Quy USD):

**11. Thông tin về bên cho vay:**

1. Tên bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay)6: ………………………………………………

2. Quốc gia của bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay):

3. Loại hình bên cho vay (hoặc đại diện bên cho vay)7:

**III. Thông tin về các bên liên quan khác:**

1. Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:

1.1. Tên ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản: ………………………………………………

1.2. Địa chỉ ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản: ……………………………………………

1.3. Thông tin về tài khoản vay, trả nợ nước ngoài mở tại ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:

…………………………………………………………………………………………………………

2. Các bên liên quan khác trong trường hợp có phát sinh dòng tiền (ghi rõ tên, địa chỉ của bên liên quan trong khoản vay - nếu có)8: …………………………………………………………………

**PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ MỤC ĐÍCH VAY**

1. Mục đích vay9: ……………………………………………………………………………………

2. Các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của mục đích vay

2.1. Tên tài liệu10: ……………………………………………………………………………………

2.2. Cấp có thẩm quyền phê duyệt11 (không áp dụng trong trường hợp khoản vay để thực hiện dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy CNĐKĐT hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư) …………………………………………………………………………………………………………

**PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ KHOẢN VAY:**

1. Ngày ký thỏa thuận vay nước ngoài: …………………………

2. Giá trị khoản vay:                                                                                     Điều khoản:

- Giá trị bằng số: ……………………………………………………

- Giá trị bằng chữ: …………………………………………………..

3. Đồng tiền thực hiện khoản vay:                                                                 Điều khoản:

3.1. Đồng tiền nhận nợ: …………………………………………….

3.2. Đồng tiền rút vốn: ………………………………………………

3.3. Đồng tiền trả nợ: ……………………………………………….

4. Hình thức vay12: …………………………………………………..

5. Thời hạn vay: ………………………………………………………                      Điều khoản:

6. Lãi suất vay: ……………………………………………………….                      Điều khoản:

7. Các loại phí13: ……………………………………………………..                      Điều khoản:

8. Lãi phạt: ……………………………………………………………                      Điều khoản:

9. Chi phí vay14: ………………………………………………………%/năm            Điều khoản:

10. Kế hoạch rút vốn15: ………………………………………………                     Điều khoản:

11. Kế hoạch trả nợ:

11.1. Kế hoạch trả nợ gốc16: ………………………………………..                     Điều khoản:

11.2. Kế hoạch trả nợ lãi17: …………………………………………                      Điều khoản:

12. Các biện pháp bảo đảm18: ……………………………………..                      Điều khoản:

12.1. Bảo lãnh:                                                                                            Điều khoản:

- Tên bên bảo lãnh: ………………………………………………………………

- Quốc gia bên bảo lãnh: …………………………………………………………

- Ngày ký thỏa thuận bảo lãnh: ………………………………………………….

12.2. Các biện pháp bảo đảm khác: liệt kê khái quát các biện pháp bảo đảm (hình thức bảo đảm, loại tài sản bảo đảm, bên bảo đảm) và **ghi rõ điều khoản tham chiếu tại thỏa thuận vay nước ngoài**.

12.3. Ngân hàng phục vụ giao dịch bảo đảm19: …………………………………………………

13. Các điều kiện khác (nếu có): …………………………………………………………………

***\* Chú ý: ghi rõ điều khoản tham chiếu tại thỏa thuận vay nước ngoài đối với mỗi nội dung tại phần này.***

14. Dự kiến việc sử dụng ngoại tệ từ nguồn vốn vay (không áp dụng đối với khoản vay giải ngân vào tài khoản vay trả nợ nước ngoài bằng VNĐ):

(i) Tỷ lệ phần trăm giá trị khoản giải ngân dự kiến sẽ được bán ngoại tệ cho TCTD được phép: ……%

(ii) Mục đích sử dụng số ngoại tệ còn lại *(trong trường hợp tỷ lệ tại Điểm 14(i) nói trên nhỏ hơn 100%)*

15. Dự kiến mua ngoại tệ trả nợ từ TCTD được phép: …………………………% giá trị khoản vay

16. Các nội dung giải trình thêm (nếu có):

**PHẦN THỨ TƯ: CAM KẾT**

Người ký tên dưới đây (đại diện hợp pháp của bên đi vay) cam kết:

- Đã đọc và nghiên cứu toàn bộ các quy định về điều kiện vay nước ngoài, các quy định về quản lý ngoại hối khi ký kết và thực hiện thỏa thuận vay nước ngoài; các quy định của pháp luật có liên quan đến các hoạt động sử dụng vốn vay nước ngoài; các quy định về thực hiện phái sinh ngoại tệ phòng ngừa rủi ro tỷ giá trước khi trả nợ (bao gồm nhưng không giới hạn Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh; Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động vay nước ngoài của doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan);

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài; các quy định khác của pháp luật có liên quan khi ký và thực hiện khoản vay nước ngoài;

- Tự chịu trách nhiệm toàn diện trong việc ký kết và thực hiện các giao dịch bảo đảm liên quan đến khoản vay nước ngoài, đảm bảo không trái với các quy định hiện hành của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Mọi thông tin ghi trong đơn này và các tài liệu kèm theo tại hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của bên đi vay là trung thực, đúng sự thật.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁPCỦA BÊN ĐI VAY** |

|  |
| --- |
| **Thông tin liên hệ:**Cán bộ phụ trách: ………………………………………Điện thoại: …………………… Email: …………………Địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nhận công văn:…………………………………………………………… |

**Hướng dẫn một số nội dung liên quan tại Đơn đăng ký Khoản vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh**